

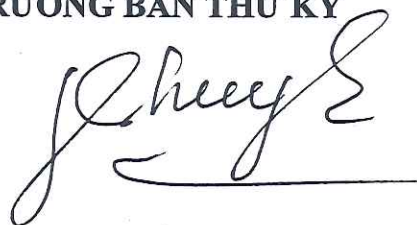
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG CĐ NGHỆ THUẬT HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG 2 NĂM ĐỢT 2 - NĂM 2026
NGÀNH THANH NHẠC

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM	TỔNG ĐIỂM
							Chuyên ngành(HS2)	
1	CTN.034	Bùi Thị Ngọc Hải	06/02/2008	Nữ	Hà Đông, Hà Nội		8.5	17.00
2	C2TN.92	Ngô Thị Phương Linh	01/03/2007	Nữ	Bắc Giang, Bắc Ninh		8.0	16.00
3	CTN.064	Phí Văn Lộc	28/06/2004	Nam	Bồ Đề, Hà Nội		9.0	18.00
4	CTN.072	Trần Hiếu Minh	25/06/2008	Nam	Hà Lâm, Quảng Ninh		9.0	18.00
5	CTN.074	Trần Hà My	24/06/2008	Nữ	Vĩnh Tuy, Hà Nội		9.0	18.00
6	CTN.076	Nguyễn Thế Nam	01/01/2002	Nam	Tây Hồ, Hà Nội		9.0	18.00
7	CTN.078	Trần Giang Nam	08/12/2003	Nam	Lập Thạch, Vĩnh Phúc		8.5	17.00
8	CTN.080	Đỗ Ngọc	10/02/2002	Nam	Minh Xuân, Tuyên Quang		9.0	18.00
9	CTN.082	Phạm Trần Hải Nguyên	06/11/2008	Nữ	Tổ 19 phường Phú Diễn, Hà Nội		9.0	18.00
10	CTN.097	Vũ Như Quỳnh	13/05/2007	Nữ	141 Trần Hưng Đạo, Chu Văn An, Hải Phòng		9.0	18.00
11	CTN.100	Lê Thị Mỹ Tâm	06/04/2004	Nữ	Hương Khê, Hà Tĩnh		8.5	17.00
12	CTN.101	Đoàn Chí Thành	25/07/2004	Nam	Yên Hòa, Hà Nội		8.5	17.00
13	CTN.110	Bùi Khánh Thy	13/04/2008	Nữ	Thanh Xuân, Hà Nội		9.0	18.00
14	CTN.111	Trần Hoàng Bảo Thy	04/05/2008	Nữ	Phú Xuyên, Hà Nội		9.0	18.00
15	CTN.125	Phạm Nguyễn Mai Uyên	13/01/2008	Nữ	Vinh, Nghệ An		9.0	18.00
16	CTN.127	Hoàng Hoàng Vũ	03/09/2003	Nam	Xã Bình Liên, Quảng Ninh		9.0	18.00

Tổng số: 16

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
TS. Vũ Liên Dũng

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG CĐ NGHỆ THUẬT HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI TUYỂN SINH CAO ĐẲNG 3 NĂM ĐỢT 2 - NĂM 2026
NGÀNH THANH NHẠC

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Thẩm âm tiết tấu(HS1)	Chuyên ngành (HS2)	
1	CTN.001	Lê Mai An	25/08/2008	Nữ	Tỉnh Gia, Thanh Hoá		3.0	5.0	13.00
2	CTN.002	Trần Mai An	13/11/2005	Nữ	Hồng Hà, Hà Nội		5.0	8.0	21.00
3	CTN.003	Chu Quỳnh Anh	10/09/2007	Nữ	Thị Cầu, Bắc Ninh		5.0	8.0	21.00
4	CTN.004	Đặng Hoàng Anh	22/09/2007	Nam	Vĩnh Tường, Phú Thọ		6.0	8.5	23.00
5	CTN.005	Đỗ Lan Anh	19/08/2007	Nữ	Vị Khê, Ninh Bình		5.5	6.0	17.50
6	CTN.006	Đỗ Thị Lan Anh	10/01/2007	Nữ	Hà Đông, Hà Nội		4.0	6.5	17.00
7	CNT.132	Hà Văn Anh	10/07/2008	Nữ	Đồng Đăng, Lạng Sơn		8.0	8.5	25.00
8	CTN.007	Lê Đức Anh	12/11/2003	Nam	12A TDP65 P.Phan Đình Phùng, Thái Nguyên		4.0	7.0	18.00
9	CTN.008	Nguyễn Văn Anh	21/04/2008	Nữ	Ngô Quyền, Lạng Sơn		6.0	8.0	22.00
10	CTN.009	Quách Quang Anh	02/06/2007	Nam	Yên Trị, Phú Thọ		6.0	8.5	23.00
11	CTN.010	Trần Đình Anh	13/04/2008	Nam	Cửa Nam, Hà Nội		5.0	8.0	21.00
12	CTN.011	Trần Tú Anh	23/03/2008	Nữ	Đông Ngạc, Hà Nội		5.0	9.0	23.00
13	CTN.012	Vũ Thị Minh Anh	10/09/2006	Nữ	Liên Minh, Ninh Bình		5.5	8.0	21.50
14	CTN.013	Đỗ Thị Ngọc Ánh	24/08/2007	Nữ	Yên Tử, Quảng Ninh		5.0	8.0	21.00
15	CTN.014	Trần Thị Minh Ánh	13/12/2006	Nữ	Mê Linh, Hà Nội		3.0	5.0	13.00
16	CTN.015	Trương Ngọc Ánh	05/02/2008	Nữ	Yên Thế, Bắc Giang		3.0	6.0	15.00
17	CTN.133	Nguyễn Quang Bách	01/06/2007	Nam	Định Công, Hà Nội		5.0	7.0	19.00
18	CTN.016	Trương Gia Bảo	04/10/2007	Nam	Trần Lâm, Hưng Yên		3.0	6.0	15.00
19	CTN.021	Phạm Văn Cường	12/04/2004	Nam	Nam Ninh, Ninh Bình		5.0	8.0	21.00
20	CTN.017	Đỗ Thị Kim Chi	30/10/2008	Nữ	Thường Tín, Hà Nội		0.0	Bỏ thi	0.00

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Thẩm âm tiết tấu(HS1)	Chuyên ngành (HS2)	
21	CTN.018	Nguyễn Bảo Chi	30/10/2008	Nữ	Tam Dương, Phú Thọ		3.0	5.0	13.00
22	CTN.020	Trịnh Khánh Chi	26/09/2008	Nữ	Lê Chân, Hải Phòng		3.0	5.0	13.00
23	CTN.023	Đỗ Chí Dũng	15/09/2008	Nam	Số 9 thôn Đò Quan, xã Thượng Phúc, Hà Nội		5.0	7.0	19.00
24	CTN.024	Cao Kỳ Duyên	17/10/2008	Nữ	Hạnh Phúc, Lào Cai		8.0	6.5	21.00
25	CTN.025	Đào Thị Minh Duyên	02/02/2006	Nữ	Sông Lô, Phú Thọ		3.0	4.0	11.00
26	CTN.026	Lê Tuấn Đạt	27/03/2008	Nam	Thôn Thượng, Hồng Sơn, , Hà Nội		Bỏ thi	Bỏ thi	0.00
27	CTN.027	Nguyễn Huy Thành Đạt	30/09/2004	Nam	Đội I, Tranh Khúc, Duyên Hà, Thanh Trì, Hà Nội		6.0	6.5	19.00
28	CTN.028	Nguyễn Tiến Đạt	15/11/2004	Nam	Sa Pa, Lào Cai		7.0	6.0	19.00
29	CTN.029	Nguyễn Ngọc Định	12/01/2008	Nam	Lục Nam, Bắc Ninh		4.0	5.0	14.00
30	CTN.030	Nguyễn Anh Đức	20/08/2007	Nam	Sóc Sơn, Hà Nội		7.0	7.5	22.00
31	CTN.031	Vũ Minh Đức	12/07/2006	Nam	Cầu Giấy, Hà Nội		7.0	8.0	23.00
32	CTN.032	Đặng Trường Giang	04/08/2008	Nam	Bắc Từ Liêm, Hà Nội		6.0	7.5	21.00
33	CTN.033	Hoàng Xuân Giang	03/07/2006	Nam	Xuân Hòa, Vĩnh Phúc		5.0	5.5	16.00
34	CTN.035	Nguyễn Thế Hải	03/02/2006	Nam	Bồ Đề, Hà Nội		5.0	5.5	16.00
35	CTN.036	Trần Vy Hào	01/09/2007	Nữ	Kim Liên, Hà Nội		6.0	6.0	18.00
36	CTN.037	Đàm Minh Hiếu	25/03/2006	Nam	Đa Cầu, Nam Sơn, Bắc Ninh		5.0	7.5	20.00
37	CTN.038	Đoàn Huy Hoàng	20/02/2008	Nam	Hai Bà Trưng, Hà Nội		5.0	7.5	20.00
38	CTN.041	Đỗ Kim Hồng	28/11/2008	Nữ	Thanh Oai, Hà Nội		6.0	6.5	19.00
39	CTN.042	Bùi Đức Hùng	12/10/2006	Nam	Kim Bôi, Phú Thọ		6.0	8.0	22.00
40	CTN.043	Lê Việt Hùng	03/02/2006	Nam	An Lão, Hải Phòng		5.0	5.0	15.00
41	CTN.045	Đặng Quốc Huy	31/03/2008	Nam	Yên Thủy, Phú Thọ		8.0	7.0	22.00
42	CTN.046	Hoàng Gia Huy	06/12/2007	Nam	Gia Viễn, Ninh Bình		7.0	6.5	20.00
43	CTN.047	Nguyễn Bá Thành Huy	23/10/2008	Nam	Long Biên, Hà Nội		6.0	6.0	18.00
44	CTN.048	Đặng Khánh Huyền	10/10/2008	Nữ	Tân Lạc, Phú Thọ		5.0	7.0	19.00
45	CTN.044	Nguyễn Tuấn Hưng	11/01/2008	Nam	Tiên La, Hưng Yên		5.0	7.0	19.00
46	CTN.049	Đỗ Tuấn Khang	10/11/2007	Nam	Tương Mai, Hà Nội		8.0	8.0	24.00

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Thẩm âm tiết tấu(HS1)	Chuyên ngành (HS2)	
47	CTN.050	Nguyễn Nam Khánh	06/05/2007	Nam	Số 17 Hàng Ngang, Hoàn Kiếm, Hà Nội		5.0	7.5	20.00
48	CTN.051	Nguyễn Lâm Khoa	06/01/2003	Nam	Xuân Đình, Hà Nội		8.0	8.0	24.00
49	CTN.052	Vũ Cát Tường Lam	24/05/2008	Nữ	Đường An, Hải Phòng		8.0	7.5	23.00
50	CTN.054	Vũ Thị Thanh Lan	24/02/2008	Nữ	Yên Khánh, Ninh Bình		Bỏ thi	Bỏ thi	0.00
51	CTN.053	Trương Thành Lâm	23/08/2008	Nam	Yên Mỹ, Hưng Yên		5.0	7.0	19.00
52	CTN.055	Nguyễn Phương Lê	17/11/2007	Nữ	Ngọc Hà, Hà Nội		8.0	7.5	23.00
53	CTN.056	Đỗ Thị Nhật Linh	25/03/2008	Nữ	Hoa Lư, Ninh Bình		7.0	7.5	22.00
54	CTN.057	Hoàng Bảo Linh	27/03/2008	Nữ	Đông Kinh, Lạng Sơn		7.0	7.5	22.00
55	CTN.058	Nguyễn Đình Linh	03/07/2006	Nam	Trung Chính, Thanh Hoá		3.0	3.0	9.00
56	CTN.059	Trương Thùy Linh	08/12/2003	Nữ	Phú Sơn, Thanh Hoá		5.7	6.0	17.70
57	CTN.060	Vũ Đào Diệu Linh	21/10/2008	Nữ	Ân Thi, Hưng Yên		6.3	5.0	16.30
58	CTN.061	Vũ Hồng Ngọc Linh	16/10/2008	Nữ	Thanh Xuân, Hà Nội		5.3	6.0	17.30
59	CTN.062	Phạm Thị Bích Loan	15/05/2008	Nữ	Ân Thi, Hưng Yên		4.3	5.5	15.30
60	CTN.065	Quách Hải Long	25/02/2007	Nam	Phổ Hiến, Hưng Yên		6.0	8.0	22.00
61	CTN.063	Nguyễn Bá Bảo Lộc	16/08/2007	Nam	Yên Mỹ, Hưng Yên		3.0	4.0	11.00
62	CTN.066	Đỗ Đức Mạnh	03/06/2006	Nam	Gia Viễn, Hải Phòng		6.0	8.0	22.00
63	CTN.067	Lê Ngọc Minh	14/05/2003	Nam	Phúc Sơn, Hà Nội		4.3	6.0	16.30
64	CTN.068	Lương Nhật Minh	16/03/2008	Nam	Văn Phú, Thanh Hoá		4.0	3.0	10.00
65	CTN.069	Nguyễn Anh Minh	13/08/2008	Nam	Thục Phán, Cao Bằng		4.0	6.0	16.00
66	CTN.070	Nguyễn Hữu Ngọc Minh	06/07/2008	Nam	Ứng Thiên, Hà Nội		4.0	7.0	18.00
67	CTN.071	Nguyễn Xuân Minh	23/04/2003	Nam	Ô Chợ Dừa, Hà Nội		8.0	8.0	24.00
68	CTN.073	Trần Khải Minh	03/05/2003	Nam	Gia Lâm, Hà Nội		4.0	6.0	16.00
69	CTN.075	Nguyễn Duy Nam	23/03/2004	Nam	Tam Đồng, Nghệ An		4.3	7.0	18.30
70	CTN.079	Nguyễn Thúy Nga	12/03/2000	Nữ	Chí Linh, Hải Phòng		8.0	8.0	24.00
71	CTN.081	Viên Thị Ánh Ngọc	28/04/2007	Nữ	Sầm Sơn, Thanh Hoá		4.0	6.0	16.00
72	CTN.083	Nguyễn Thị Nhân	28/10/2008	Nữ	Yên Thành, Nghệ An		4.0	6.0	16.00

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Thẩm âm tiết tấu(HS1)	Chuyên ngành (HS2)	
73	CTN.084	Nguyễn Thị Yến Nhi	21/09/2007	Nữ	Nam Sách, Hải Dương		4.0	5.0	14.00
74	CTN.085	Phạm Linh Nhi	07/07/2008	Nữ	Lạc Long Quân, Hà Nội		5.0	8.0	21.00
75	CTN.086	Phạm Gia Như	09/10/2008	Nữ	Nam Ninh, Ninh Bình		0.0	0.0	0.00
76	CTN.087	Nguyễn Mạnh Tiền Phong	18/07/2008	Nam	Kim Bảng, Ninh Bình		6.0	8.0	22.00
77	CTN.088	Nguyễn Hoàng Phúc	10/11/2008	Nam	Lê Thanh Nghị, Hải Phòng		7.0	8.0	23.00
78	CTN.089	Lò Văn Phương	19/07/2007	Nam	Chiềng Lao, Sơn La		4.3	6.0	16.30
79	CTN.090	Nguyễn Hà Phương	18/01/2008	Nữ	Long Biên, Hà Nội		3.0	5.0	13.00
80	CTN.092	Nguyễn Minh Phương	28/09/2007	Nữ	Bắc Giang, Bắc Ninh		5.0	8.0	21.00
81	CTN.093	Nguyễn Thị Thu Phương	09/11/2007	Nữ	Nam Trực, Ninh Bình		5.3	6.0	17.30
82	CTN.096	Phạm Ngọc Quảng	07/03/2008	Nam	Cửa Ông, Quảng Ninh		6.2	5.0	16.20
83	CTN.094	Bùi Văn Quân	30/10/2006	Nam	Chiềng Sơn, Sơn La		3.0	3.0	9.00
84	CTN.095	Trần Văn Quân	18/02/2008	Nam	Rạng Đông, Ninh Bình		3.7	4.0	11.70
85	CTN.098	Đinh Văn Sơn	22/10/2003	Nam	Xuân Hòa, Thanh Hoá		5.3	7.5	20.30
86	CTN.099	Hòa Ngọc Sơn	24/08/2007	Nam	Nga Sơn, Thanh Hoá		6.8	8.0	22.80
87	CTN.112	Nguyễn Thị Hàn Tiên	02/01/2008	Nữ	Đống Đa, Hà Nội		6.3	6.5	19.30
88	CTN.113	Hoàng Quang Tiến	15/02/2003	Nam	Nông Cống, Thanh Hoá		6.2	7.5	21.20
89	CTN.114	Nguyễn Mạnh Tiến	06/12/2001	Nam	Đống Đa, Hà Nội		6.2	6.0	18.20
90	CTN.115	Nguyễn Minh Tiệp	07/11/2006	Nam	Thanh Xuân, Hà Nội		3.2	6.0	15.20
91	CTN.116	Mùa A Tinh	01/10/2008	Nam	Pắc Tà, Lai Châu		5.7	5.0	15.70
92	CTN.123	Nguyễn Anh Tuấn	19/10/2008	Nam	Hạ Bằng, Hà Nội		5.3	8.0	21.30
93	CTN.124	Nguyễn Thanh Tùng	03/12/1999	Nam	Phượng Dực, Hà Nội		6.2	8.0	22.20
94	CTN.105	Lê Hoàng Bảo Thiên	09/09/2007	Nam	Ô Chợ Dừa, Hà Nội		5.5	7.0	19.50
95	CTN.106	Phạm Lương An Thịnh	23/08/2003	Nam	Cầu Giấy, Hà Nội		4.7	6.5	17.70
96	CTN.109	Lương Thu Thủy	29/11/2007	Nữ	Phúc Hòa, Bắc Ninh		6.2	7.0	20.20
97	CTN.107	Bùi Lê Anh Thư	07/11/2008	Nữ	20/204 Tr.Quang Khải 1, Lương Văn Trị, Lạng Sơn		5.3	6.5	18.30
98	CTN.117	Hà Anh Trình	29/11/2001	Nam	Đồng Yên, Tuyên Quang		0.0	0.0	0.00

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Thẩm âm tiết tấu(HS1)	Chuyên ngành (HS2)	
99	CTN.118	Dương Thị Thanh Trúc	16/12/2007	Nữ	Phong Cốc, Quảng Ninh		5.7	8.0	21.70
100	CTN.119	Nguyễn Thành Trung	10/05/2008	Nam	Lê Hà, Ninh Bình		3.0	6.0	15.00
101	CTN.120	Trần Nam Trung	19/01/2006	Nam	Nghĩa Trụ, Hưng Yên		5.7	8.0	21.70
102	CTN.121	Vũ Đức Trung	14/04/2007	Nam	Hà Long, Thanh Hoá		5.7	8.0	21.70
103	CTN.122	Ma Quang Trường	04/10/2003	Nam	Bình Yên, Thái Nguyên		6.0	8.5	23.00
104	CTN.126	Trần Yến Vi	16/12/2008	Nữ	Lập Thạch, Phú Thọ		6.0	8.0	22.00
105	CTN.128	Lường Anh Vũ	21/08/2008	Nam	Tô Hiệu, Sơn La		3.0	6.0	15.00
106	CTN.129	Đặng Văn Vương	02/07/2007	Nam	Hùng Đức, Thái Nguyên		6.3	7.0	20.30
107	CTN.130	Đoàn Đức Vượng	20/05/2008	Nam	Lạc Phụng, Hải Phòng		3.2	5.0	13.20
108	CTN.131	Phạm Thị Yến	29/08/2005	Nữ	Sơn Đông, Phú Thọ		5.0	8.0	21.00

Tổng số: 108

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Hiệu trưởng
TS. Vũ Tiến Dũng

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG CĐ NGHỆ THUẬT HÀ NỘI

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI TUYỂN SINH TRUNG CẤP 3 NĂM ĐỢT 2 - NĂM 2026
NGÀNH THANH NHẠC

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Thẩm âm tiết tấu(HS1)	Chuyên ngành (HS2)	
1	2.TN.01	Bùi Đức Anh	27/12/2008	Nam	Long Biên, Hà Nội		7.8	8.5	24.80
2	2.TN.02	Bùi Lại Việt Anh	08/07/2007	Nam	Liên Hòa, Phú Thọ		5.5	8.0	21.50
3	2.TN.03	Cao Hồng Anh	27/07/2011	Nữ	Yên Phong, Bắc Ninh		5.5	7.5	20.50
4	2.TN.05	Dương Quỳnh Anh	31/08/2007	Nữ	Nho Quan, Ninh Bình		4.7	7.0	18.70
5	2.TN.04	Đỗ Xuân Anh	24/07/2008	Nam	Phúc Thọ, Hà Nội		4.7	6.5	17.70
6	2.TN.06	Lê Hoàng Anh	25/06/2007	Nữ	Mê Linh, Hà Nội		5.3	8.0	21.30
7	2.TN.07	Nguyễn Hải Anh	01/11/2008	Nam	23b ngõ 10 Kim Mã Thượng, Ngọc Hà, Hà Nội		5.8	8.5	22.80
8	2.TN.08	Nguyễn Hoàng Anh	11/08/2011	Nữ	Bồ Đề, Hà Nội		5.7	8.0	21.70
9	2.TN.09	Nguyễn Lê Lam Anh	12/12/2008	Nữ	P810 K4 đô thị Việt Hưng, P. Việt Hưng, Hà Nội		5.8	8.0	21.80
10	2.TN.10	Nguyễn Quỳnh Anh	19/07/2006	Nữ	Định Trung, xã Liên Minh, Hà Nội		5.3	8.0	21.30
11	2.TN.12	Nguyễn Tuấn Anh	02/01/2009	Nam	An Phong, Hải Phòng		6.3	8.5	23.30
12	2.TN.13	Nguyễn Võ Huy Anh	05/05/2009	Nam	Ô Chợ Dừa, Hà Nội		5.3	7.7	20.70
13	2.TN.14	Phạm Thị Châm Anh	15/02/2006	Nữ	Hoa Lư, Ninh Bình		5.5	8.0	21.50
14	2.TN.15	Phạm Thị Vân Anh	16/08/2008	Nữ	Tây Đô, Thanh Hoá		6.2	8.5	23.20
15	2.TN.16	Phạm Vũ Tùng Anh	19/09/2010	Nam	Phan Đình Phùng, Thái Nguyên		3.7	6.5	16.70
16	2.TN.17	Vũ Mai Anh	08/12/2011	Nữ	Phú Lương, Hà Nội		5.5	8.0	21.50
17	2.TN.92	Nguyễn Quang Bách	01/06/2007	Nam	Định Công, Hà Nội		5.0	7.5	20.00
18	2.TN.19	Tạ Quốc Bảo	11/06/2008	Nam	Kê Sặt, Hải Phòng		Bỏ thi	0.0	0.00
19	2.TN.20	Trần Gia Bảo	28/10/2011	Nam	Kỳ Lừa, Lạng Sơn		4.5	7.0	18.50
20	2.TN.21	Lâm Mai Chi	08/12/2008	Nữ	Thục Phán, Cao Bằng		5.3	7.0	19.30

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Thẩm âm tiết tấu(HS1)	Chuyên ngành (HS2)	
21	2.TN.22	Nguyễn Lan Chi	14/06/2008	Nữ	Long Biên, Hà Nội		5.5	6.5	18.50
22	2.TN.23	Phan Việt Chi	27/08/2010	Nữ	Phúc Lợi, Hà Nội		4.8	7.0	18.80
23	2.TN.24	Dư Phạm Ngọc Diệp	24/10/2007	Nữ	Mỹ Đức, Hà Nội		4.8	7.0	18.80
24	2.TN.25	Dương Thị Ngọc Diệp	24/06/2002	Nữ	Đa Mai,, Bắc Ninh		5.5	7.5	20.50
25	2.TN.26	Hoàng Ngọc Diệp	11/01/2010	Nữ	Bồ Đề, Hà Nội		7.3	8.2	23.70
26	2.TN.28	Nguyễn Đặng Thùy Dương	03/07/2008	Nữ	Thư Lâm, Hà Nội		5.7	8.0	21.70
27	2.TN.30	Lê Anh Đức	18/07/2008	Nam	An Lão, Hải Phòng		6.3	8.2	22.70
28	2.TN.32	Nguyễn Việt Đức	25/07/2005	Nam	Trường Hà, Cao Bằng		5.5	8.5	22.50
29	2.TN.33	Vũ Minh Đức	12/07/2006	Nam	Cầu Giấy, Hà Nội		6.7	8.5	23.70
30	2.TN.34	Đặng Trường Giang	04/08/2008	Nam	Từ Liêm, Hà Nội		5.5	8.5	22.50
31	2.TN.35	Hoàng Xuân Giang	03/07/2006	Nam	Xuân Hòa, Vĩnh Phúc		4.0	5.0	14.00
32	2.TN.36	Nguyễn Ngọc Quỳnh Giang	03/11/2011	Nữ	Cầu Giấy, Hà Nội		5.5	8.0	21.50
33	2.TN.37	Mẫn Khánh Hà	20/03/2011	Nữ	Bồ Đề, Hà Nội		3.0	6.0	15.00
34	2.TN.38	Nguyễn Văn Hoàng	30/09/2005	Nam	Nam Sách, Hải Phòng		2.0	4.0	10.00
35	2.TN.43	Dương Thị Huyền	14/04/2009	Nữ	Sơn Tây, Hà Nội		4.0	5.0	14.00
36	2.TN.39	Ngô Duy Tuấn Hưng	27/05/2005	Nam	Long Biên, Hà Nội		5.0	8.0	21.00
37	2.TN.40	Phạm Khánh Hưng	14/02/2008	Nam	Tổ 3 Quyết Thắng, P. Tô Hiệu, Sơn La		3.0	5.5	14.00
38	2.TN.41	Trần Thái Hưng	25/10/2008	Nam	Tổ 8 KP Trần Hưng Đạo 3, P.Hồng Gai, Quảng Ninh		5.3	7.5	20.30
39	2.TN.42	Đoàn Quỳnh Hương	25/09/2010	Nữ	Nguyễn Bình Khiêm, Hải Phòng		7.0	8.5	24.00
40	2.TN.44	Nguyễn Nam Khánh	06/05/2007	Nam	Số 17 Hàng Ngang, Hoàn Kiếm, Hà Nội		3.0	6.5	16.00
41	2.TN.45	Nguyễn Ngọc Khánh	15/10/2010	Nữ	Kiến Hưng, Hà Nội		4.0	7.0	18.00
42	2.TN.46	Bùi Minh Khôi	02/12/2008	Nam	Đống Đa, Hà Nội		4.0	7.0	18.00
43	2.TN.48	Lê Gia Linh	30/12/2010	Nữ	Thanh Lương, Hà Nội		5.0	8.0	21.00
44	2.TN.49	Nguyễn Phương Linh	13/02/2011	Nữ	Ngọc Lặc, Thanh Hoá		3.0	6.0	15.00
45	2.TN.50	Nguyễn Vũ Hà Linh	05/01/2009	Nữ	22 ngõ 14 phố Pháo Đài Láng, P.Láng, Hà Nội		5.0	8.0	21.00
46	2.TN.51	Trần Hà Linh	17/03/2009	Nữ	Long Biên, Hà Nội		4.0	6.0	16.00

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Thẩm âm tiết tấu(HS1)	Chuyên ngành (HS2)	
47	2.TN.52	Trần Nguyễn Hà Linh	22/03/2008	Nữ	Định Công, Hà Nội		6.0	8.0	22.00
48	2.TN.53	Nguyễn Ngọc Lương	24/03/2010	Nam	Liên Hòa, Phú Thọ		3.0	5.5	14.00
49	2.TN.54	Hoàng Quỳnh Mai	10/10/2009	Nữ	Sầm Sơn, Thanh Hoá		2.0	5.0	12.00
50	2.TN.55	Ngô Bình Minh	06/04/2008	Nam	Hoàng Mai, Hà Nội		4.0	6.0	16.00
51	2.TN.91	Nguyễn Quang Minh	26/11/2009	Nam	42/59 Chi Lăng, P.Thành Đồng, Hải Phòng		5.0	8.0	21.00
52	2.TN.56	Nguyễn Hà My	06/10/2006	Nữ	Nông Trang, Phú Thọ		5.0	8.0	21.00
53	2.TN.57	Nguyễn Hà My	22/08/2008	Nữ	Hát Môn, Hà Nội		3.0	6.0	15.00
54	2.TN.58	Ngô Gia Mỹ	18/08/2011	Nữ	Móng Cái, Quảng Ninh		5.0	7.0	19.00
55	2.TN.59	Lê Văn Nam	10/04/2003	Nam	Bồ Đề, Hà Nội		Bỏ thi	Bỏ thi	0.00
56	2.TN.60	Đoàn Xuân Nghĩa	01/11/2003	Nam	Minh Đài, Phú Thọ		5.0	7.0	19.00
57	2.TN.61	Đỗ Bảo Nhật	20/09/2009	Nam	216 Ngọc Lâm, phường Bồ Đề, Hà Nội		4.0	6.0	16.00
58	2.TN.62	Đặng Thị Yến Nhi	19/04/2008	Nữ	Xã Kép, Bắc Ninh		5.0	6.5	18.00
59	2.TN.63	Phạm Hùng Phát	19/08/2011	Nam	An Biên, Hải Phòng		5.0	8.0	21.00
60	2.TN.64	Chu Hải Phong	16/07/2007	Nam	Bạch Mai, Hà Nội		5.2	8.5	22.20
61	2.TN.65	Trần Hoàng Phú	02/09/2007	Nam	Lê Chân, Hải Phòng		4.0	6.0	16.00
62	2.TN.66	Nguyễn Hoàng Phúc	10/11/2008	Nam	Lê Thanh Nghị, Hải Phòng		4.0	6.5	17.00
63	2.TN.67	Trần Hoàng Xuân Phúc	21/09/2008	Nam	Nhà 3 ngõ 3 thôn Tam Hiệp 6, Hát Môn, Hà Nội		6.0	8.0	22.00
64	2.TN.68	Đỗ Hà Phương	01/02/2008	Nữ	Tây Hồ, Hà Nội		5.5	8.0	21.50
65	2.TN.69	Hà Thị Minh Phương	23/12/2006	Nữ	Lâm Thao, Phú Thọ		5.0	8.0	21.00
66	2.TN.70	Hoàng Mai Phương	14/10/2009	Nữ	Ngọc Hà, Hà Nội		5.0	8.0	21.00
67	2.TN.73	Nguyễn Anh Quang	07/11/2006	Nam	Hai Bà Trưng, Hà Nội		5.3	8.5	22.30
68	2.TN.71	Ngô Văn Quân	10/09/2006	Nam	Bát Tràng, Hà Nội		5.0	8.5	22.00
69	2.TN.72	Trần Minh Quân	15/01/2007	Nam	Cầu Giấy, Hà Nội		6.5	8.0	22.50
70	2.TN.76	Nguyễn Thị Hàn Tiên	02/01/2008	Nữ	Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội		4.0	7.0	18.00
71	2.TN.77	Giàng Minh Tiến	29/08/2008	Nam	Thôn Lũng Pù, xã Thuận Hoài, Tuyên Quang		4.0	6.2	16.40
72	2.TN.78	Nguyễn Mạnh Tiến	06/12/2001	Nam	Đống Đa, Hà Nội		5.0	8.0	21.00

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	ĐỐI TƯỢNG	ĐIỂM		TỔNG ĐIỂM
							Thẩm âm tiết tấu(HS1)	Chuyên ngành (HS2)	
73	2.TN.83	Đinh Anh Tuấn	31/01/2007	Nam	Ba Đình, Hà Nội		5.0	6.5	18.00
74	2.TN.84	Trần Minh Tuấn	09/03/2007	Nam	Chấn Thịnh, Lào Cai		5.0	7.0	19.00
75	2.TN.85	Đoàn Huy Tuấn	25/05/2007	Nam	Bãi Cháy, Quảng Ninh		6.0	8.5	23.00
76	2.TN.86	Nguyễn Quang Tùng	25/07/2009	Nam	Ngọc Thụy, Hà Nội		4.0	6.5	17.00
77	2.TN.74	Tạ Viết Thắng	25/07/2007	Nam	Kiến An, Hải Phòng		5.0	8.5	22.00
78	2.TN.75	Trần Thị Ngọc Thùy	20/06/2008	Nữ	Văn Hiến, Nghệ An		5.2	8.0	21.20
79	2.TN.79	Nguyễn Trần Thu Trà	11/08/2007	Nữ	Xuân Đình, Hà Nội		5.0	7.0	19.00
80	2.TN.81	Nguyễn Minh Trang	12/09/2009	Nữ	Tây Tựu, Hà Nội		6.0	8.5	23.00
81	2.TN.80	Trần Cao Bảo Trâm	09/07/2009	Nữ	Thôn 4 Gia Lâm, xã Nam Ban Lâm Hà, Lâm Đồng		5.0	8.0	21.00
82	2.TN.82	Nguyễn Văn Trường	12/07/2005	Nam	Tam Đa, Bắc Ninh		4.0	7.0	18.00
83	2.TN.87	Nguyễn Ngọc Phương Uyên	01/07/2011	Nữ	25A Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ, Hà Nội		5.2	8.0	21.20
84	2.TN.88	Bùi Như Vị	10/04/2008	Nam	Phúc Lộc, Hà Nội		6.0	8.5	23.00
85	2.TN.89	Nguyễn Tuấn Việt	07/11/2008	Nam	Phường Chũ, Bắc Ninh		4.0	6.0	16.00
86	2.TN.90	Chu Quang Vinh	28/10/2007	Nam	289 Ngô Đức Kế, phường Thành Vinh, Nghệ An		6.0	8.5	23.00

Tổng số: 86

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Hiệu trưởng
TS. Vũ Tiến Dũng